BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13/2015/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2015*

THÔNG TƯ

Quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH-13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 06 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; kiểm soát hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hải quan, công chức hải quan;

2. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa hoặc người được ủy quyền;

3. Tổ chức, cá nhân là chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, chủ sở hữu hàng thật bị làm giả hoặc đại diện hợp pháp của chủ sở hữu;

4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ sử dụng trong Thông tư này được hiểu như sau:

1. Hàng giả bao gồm các loại hàng hóa theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan là việc cơ quan hải quan áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát, kiểm soát, tạm dừng thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 216 Luật Sở hữu trí tuệ và các Điều 73, 74, 75, 76 Luật Hải quan và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để phát hiện, đấu tranh và xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan.

3. Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là biện pháp được tiến hành theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ nhằm thu thập thông tin, chứng cứ về lô hàng để chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền và yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính.

4. Kiểm tra hải quan về hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là việc kiểm tra hồ sơ hải quan, các chứng từ liên quan và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải do cơ quan hải quan thực hiện nhằm phát hiện hàng hóa có nghi ngờ là hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

5. Giám sát hải quan về hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là biện pháp nghiệp vụ do cơ quan hải quan áp dụng để đảm bảo sự nguyên trạng của hàng hóa, sự tuân thủ quy định của pháp luật trong việc bảo quản, lưu giữ, xếp dỡ, vận chuyển, sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đang thuộc đối tượng quản lý hải quan.

6. Kiểm soát hải quan về hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là các biện pháp tuần tra, điều tra hoặc biện pháp nghiệp vụ khác do cơ quan hải quan áp dụng để phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa là hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ vận chuyển qua biên giới hoặc đưa ra, đưa vào các khu phi thuế quan.

7. Đơn đề nghị bao gồm: Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và Đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan (mẫu đơn được ban hành kèm theo Thông tư này).

8. Người nộp Đơn đề nghị là chủ thể sở hữu quyền sở hữu trí tuệ (bao gồm chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu quyền chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ) hoặc người được chủ thể quyền sở hữu trí tuệ ủy quyền hợp pháp.

9. Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là các hành vi nêu tại các Điều 28, Điều 35, Điều 126, Điều 127, Điều 129 và Điều 188 Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan

1. Được cơ quan hải quan giữ bí mật các thông tin thương mại đã cung cấp cho cơ quan hải quan, trừ các trường hợp phải cung cấp cho các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

2. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, chủ sở hữu của hàng hóa bị giả mạo quyền sở hữu trí tuệ hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp pháp được tham gia cùng với cơ quan hải quan vào các hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát, xác minh, thu thập chứng cứ xác định hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả, quá trình xử lý hàng hóa, tang vật vi phạm, trừ trường hợp cần thiết bảo vệ bí mật thương mại, bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Khiếu nại, khiếu kiện các quyết định xử lý hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, việc áp dụng các biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và pháp luật về tố tụng hành chính.

4. Cung cấp kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả khi cơ quan hải quan có yêu cầu hoặc khi có thông tin.

5. Tổ chức, cá nhân xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thực hiện việc tiêu hủy và chịu mọi chi phí liên quan đến việc tiêu hủy hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc hàng giả theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan hải quan

1. Triển khai áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, tạm dừng làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp Luật Hải quan, pháp luật thương mại và pháp luật sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa có nghi ngờ là hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

2. Giải thích, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân liên quan tuân thủ các quy định của Luật Hải quan, Luật Sở hữu trí tuệ và hướng dẫn tại Thông tư này. Thông báo bằng văn bản cho các tổ chức, cá nhân liên quan về kết quả giải quyết, xử lý vụ việc.

3. Phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước, các lực lượng có chức năng chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong công tác đấu tranh, xử lý hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Yêu cầu cá nhân, tổ chức liên quan nộp, xuất trình các tài liệu, chứng từ có liên quan để giải trình, làm rõ những nghi vấn của cơ quan hải quan về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả.

5. Giải quyết khiếu kiện, khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan về việc xử lý hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và việc áp dụng các biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, lưu giữ tài liệu, hồ sơ có liên quan đến công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định hiện hành.

Chương II

TIẾP NHẬN, XỬ LÝ ĐƠN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA, GIÁM SÁT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CÓ YÊU CẦU BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 6. Quy định về nộp hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền nộp bộ hồ sơ gửi Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý về hải quan) gồm:

1. Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo mẫu số 01-SHTT ban hành kèm Thông tư này: 01 bản chính;

2. Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc tài liệu khác chứng minh quyền sở hữu công nghiệp đang được bảo hộ tại Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền đối với giống cây trồng hoặc tài liệu khác chứng minh quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền đối với giống cây trồng: 01 bản sao có ký tên, đóng dấu xác nhận của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền;

3. Mô tả chi tiết hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, ảnh chụp, các đặc điểm phân biệt hàng thật với hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ: 01 bản chính;

4. Danh sách những người xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp hàng hóa có yêu cầu giám sát; danh sách những người có khả năng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ: 01 bản chính.

Điều 7. Tiếp nhận, kiểm tra và xử lý đơn đề nghị

1. Sau khi nhận đủ bộ hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này, cơ quan hải quan kiểm tra bộ hồ sơ theo các nội dung sau:

a) Tư cách pháp lý của người nộp đơn theo quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra sự phù hợp giữa nội dung đơn với các tài liệu gửi kèm; Kiểm tra thời hạn hiệu lực của các văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

c) Mẫu vật, hiện vật (hoặc ảnh chụp) phù hợp với nội dung quyền sở hữu trí tuệ có yêu cầu bảo hộ hoặc nội dung tố cáo hành vi vi phạm;

d) Nội dung ủy quyền phù hợp với chức năng hoạt động của cơ quan hải quan và của người nộp đơn (trường hợp ủy quyền nộp đơn).

2. Các trường hợp từ chối tiếp nhận đơn:

a) Đơn gửi không đúng cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận;

b) Cơ quan hải quan có cơ sở khẳng định người nộp đơn không đủ tư cách pháp lý nộp đơn theo quy định của pháp luật;

c) Người nộp đơn không cung cấp đủ các tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Hải quan;

d) Trong thời gian thụ lý đơn, cơ quan hải quan nhận được văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ thông báo về việc tranh chấp, khiếu nại về chủ thể quyền, khả năng bảo hộ, phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

3. Trường hợp chấp nhận đơn đề nghị thì xử lý như sau:

a) Sau khi chấp nhận yêu cầu kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý về hải quan) cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và thông báo chấp nhận đơn tới các Cục Hải quan tỉnh, thành phố; Cục Điều tra chống buôn lậu để triển khai việc kiểm tra, giám sát.

b) Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Cục Điều tra chống buôn lậu tiếp nhận thông báo của Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý về hải quan) và tra cứu dữ liệu trên hệ thống để tổ chức, triển khai thực hiện trong phạm vi địa bàn quản lý;

c) Chi cục Hải quan căn cứ thông tin trên cơ sở dữ liệu và thông báo của Tổng cục hải quan (Cục Giám sát quản lý về hải quan) để triển khai các biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

4. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ bộ hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này, Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát

quản lý về hải quan) kiểm tra và thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn đề nghị.

Điều 8. Chấm dứt hiệu lực đơn đề nghị

Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý về Hải quan) có trách nhiệm thông báo chấm dứt hiệu lực đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong trường hợp:

1. Người nộp đơn có văn bản đề nghị chấm dứt việc kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan đối với hàng hóa có yêu cầu bảo hộ;

2. Hết thời hạn có hiệu lực của Đơn đề nghị kiểm tra, giám sát, người nộp đơn không có văn bản đề nghị gia hạn;

3. Cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ thông báo hủy bỏ văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã cấp cho người nộp Đơn yêu cầu.

Chương III

TIẾP NHẬN, XỬ LÝ ĐỀ NGHỊ TẠM DỪNG LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN VÀ THỦ TỤC TẠM DỪNG LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Điều 9. Quy định về nộp hồ sơ đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan

Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền nộp bộ hồ sơ đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan cho Chi cục Hải quan nơi đang thực hiện thủ tục hải quan cho lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu gồm:

1. Đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan theo mẫu số 02-SHTT ban hành kèm theo Thông tư này: 01 bản chính;

2. Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc tài liệu khác chứng minh quyền sở hữu công nghiệp đang được bảo hộ tại Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền đối với giống cây trồng hoặc tài liệu khác chứng minh quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền đối với giống cây trồng: 01 bản sao có ký tên, đóng dấu xác nhận của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền;

3. Mô tả chi tiết hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, ảnh chụp, các đặc điểm phân biệt hàng thật với hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ: 01 bản chính;

4. Danh sách những người xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp hàng hóa có yêu cầu giám sát; danh sách những người có khả năng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ: 01 bản chính.

5. Chứng thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng: 01 bản chính hoặc khoản tiền đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Hải quan.

Điều 10. Tạm dừng làm thủ tục hải quan

1. Chậm nhất 02 giờ làm việc kể từ thời điểm nhận được đủ bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này, nếu chấp nhận đơn đề nghị, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan theo mẫu số 03-SHTT ban hành kèm theo Thông tư này. Quyết định tạm dừng được gửi trực tiếp hoặc bằng thư bảo đảm, đồng thời fax ngay cho tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan hải quan ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan. Trường hợp phát sinh việc trưng cầu giám định hoặc tham khảo ý kiến chuyên môn từ các cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ, cơ quan hải quan sẽ tiếp tục tạm dừng làm thủ tục hải quan cho đến khi nhận được kết quả giám định hoặc ý kiến chuyên môn.

Sau khi người nộp đơn có đơn xin gia hạn kèm khoản tiền đảm bảo hoặc chứng từ bảo lãnh theo quy định của pháp luật, Chi cục Hải quan nơi quyết định tạm dừng thực hiện việc gia hạn thời gian tạm dừng theo mẫu số 04-SHTT ban hành kèm theo Thông tư này và thông báo cho người nộp đơn, chủ hàng và các bên có liên quan biết. Thời gian gia hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày quyết định gia hạn.

3. Trong thời gian tạm dừng hoặc thời gian áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định, Chi cục Hải quan quyết định tạm dừng có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

a) Yêu cầu chủ hàng, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ cung cấp tài liệu có liên quan đến hàng hóa (catalog, kết luận giám định, tài liệu từ nước ngoài, kết quả xử lý các vụ việc tương tự....).

b) Trưng cầu giám định tại tổ chức chuyên môn nghiệp vụ hải quan hoặc các tổ chức giám định khác theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ hoặc tham khảo ý kiến chuyên môn của các cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ để xác định các dấu hiệu xâm phạm về sở hữu trí tuệ.

c) Đề nghị các tổ chức, cá nhân lấy mẫu để giám định theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ. Thủ tục lấy mẫu, kỹ thuật lấy mẫu, nơi lưu mẫu, thời gian lưu mẫu của hàng hóa thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Bộ Tài chính.

d) Tiến hành việc giám định bổ sung, giám định lại theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2010 của Chính phủ.

đ) Phối hợp, trao đổi với các cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn khi có phát sinh tranh chấp, khiếu nại về chủ thể quyền, khả năng bảo hộ, phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm.

e) Báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan để chỉ đạo giải quyết kịp thời trong trường hợp lô hàng tạm dừng có giá trị lớn; hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của các nhãn hiệu nổi tiếng; vụ việc có liên quan đến nhiều địa phương, các cơ quan Nhà nước, tổ chức quốc tế; vụ việc có phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan về chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, khả năng bảo hộ, phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm.

4. Kết thúc thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan hoặc thời gian áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định, Chi cục Hải quan nơi quyết định tạm dừng có trách nhiệm thực hiện một hoặc đồng thời các công việc sau:

a) Quyết định thụ lý vụ việc theo thủ tục hành chính khi đã khẳng định hàng hóa bị tạm dừng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên cơ sở kết luận giám định về sở hữu trí tuệ của tổ chức giám định về sở hữu trí tuệ (trong trường hợp trưng cầu giám định); ý kiến chuyên môn của các cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ, các cơ quan quản lý Nhà nước khác (trong trường hợp xin ý kiến chuyên môn); tài liệu, chứng cứ do chủ thể quyền sở hữu trí tuệ cung cấp.

Quyết định tạm giữ hàng hóa trong trường hợp có cơ sở khẳng định hàng hóa bị tạm dừng là hàng giả mạo về sở hữu trí tuệ; hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là các mặt hàng lương thực, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, vật liệu xây dựng.

Thực hiện xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa xâm phạm quyền sở trí tuệ theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành, Chi cục Hải quan thông báo bằng văn bản buộc người vi phạm phải thanh toán các khoản chi phí phát sinh do hành vi vi phạm hành chính gây ra và hoàn trả cho người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan khoản tiền đảm bảo đã nộp.

b) Trường hợp qua kiểm tra xác định hàng hóa bị tạm dừng không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thì làm tiếp thủ tục hải quan cho lô hàng theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

c) Thực hiện theo ý kiến của tòa án trong trường hợp người nộp đơn khởi kiện dân sự.

d) Bàn giao vụ việc để các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ khác xử lý trong trường hợp xác định hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan hải quan.

đ) Tạm dừng việc xử lý sau khi nhận được văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ thông báo về việc tranh chấp, khiếu nại về chủ thể quyền, khả năng bảo hộ, phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

e) Chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền để tiến hành điều tra, khởi tố theo quy định của pháp luật trong trường hợp xác định hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Bộ luật Hình sự.

5. Các trường hợp từ chối tiếp nhận đơn:

Chi cục trưởng Chi cục Hải quan có văn bản thông báo cho người nộp đơn biết việc không chấp nhận đơn đề nghị trong các trường hợp sau:

a) Chi cục Hải quan không giải quyết thủ tục hải quan đối với lô hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan;

b) Cơ quan hải quan có cơ sở khẳng định người nộp đơn không đủ tư cách pháp lý nộp đơn theo quy định của pháp luật;

c) Người nộp đơn không cung cấp đủ các tài liệu theo quy định tại Điều 9 Thông tư này;

Điều 11. Tiếp tục làm thủ tục hải quan

1. Chi cục Hải quan quyết định tạm dừng có trách nhiệm quyết định tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng theo quy định tại khoản 4 Điều 76 Luật Hải quan và thông báo cho các bên liên quan biết (theo mẫu số 05-SHTT ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan cho lô hàng bị tạm dừng, Chi cục Hải quan có trách nhiệm:

a) Thông báo cho chủ quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp thực hiện thanh toán cho chủ hàng các chi phí phát sinh theo quy định tại khoản 5 Điều 76 Luật Hải quan.

b) Hoàn trả cho người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan khoản tiền bảo đảm theo quy định tại khoản 6 Điều 76 Luật Hải quan.

Chương IV

KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ HÀNG GIẢ

Điều 12. Kiểm tra hải quan

Khi kiểm tra thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, ngoài việc thực hiện theo quy định tại Thông tư quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Bộ Tài chính, công chức hải quan thực hiện:

1. Kiểm tra, đối chiếu các thông tin khai hải quan trên tờ khai hải quan về tên hàng, nhãn hiệu, xuất xứ, trị giá, quy cách đóng gói, phẩm chất hàng hóa, tuyến đường vận chuyển của hàng hóa với các thông tin trong hệ thống dữ liệu về đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ, danh mục quản lý rủi ro về sở hữu trí tuệ và các thông tin do cơ

quan hải quan thu thập để xác định dấu hiệu hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả.

2. Trường hợp hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra chuyên ngành thì căn cứ vào kết luận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành để xác định dấu hiệu hàng giả;

3. Đối chiếu kết quả kiểm tra với các quy định của pháp luật về hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả.

Điều 13. Xử lý đối với hàng giả hoặc hàng hóa có dấu hiệu là hàng giả

1. Trường hợp phát hiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là hàng giả thì áp dụng các biện pháp ngăn chặn và xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Trường hợp phát hiện hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu là hàng giả, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan yêu cầu người khai hải quan cung cấp tài liệu liên quan đến hàng hóa:

a) Hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc chứng từ có giá trị tương đương: 01 bản chụp;

b) Tài liệu kỹ thuật hoặc bản phân tích thành phần (nếu có): 01 bản chụp.

3. Trường hợp xác định được chủ sở hữu hàng thật bị làm giả thì chủ sở hữu hàng thật bị làm giả cung cấp tài liệu có liên quan đến hàng hóa (như: catalog, kết luận giám định, tài liệu từ nước ngoài, kết quả xử lý các vụ việc tương tự). Trường hợp không xác định được chủ sở hữu hàng thật thì căn cứ hồ sơ hải quan, thực tế hàng hóa, kết quả phân tích thông tin rủi ro về hàng hóa và quy định của pháp luật về hàng giả để xác định; phối hợp với lực lượng kiểm soát hải quan để điều tra, xác minh (nếu cần thiết) hoặc chuyển thông tin, hồ sơ vụ việc cho lực lượng kiểm soát hải quan để điều tra, xác minh và xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Xác minh hàng giả:

a) Trong thời gian hàng hóa đang bị tạm giữ hoặc bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định, Chi cục Hải quan có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

a.1) Yêu cầu chủ hàng, chủ sở hữu hàng thật bị làm giả (khi đã xác định được chủ sở hữu) cung cấp tài liệu có liên quan đến hàng hóa (như: catalog, kết luận giám định, tài liệu từ nước ngoài, kết quả xử lý các vụ việc tương tự).

a.2) Phối hợp với chủ hàng, chủ sở hữu hàng thật bị làm giả lấy mẫu thực hiện việc giám định tại tổ chức kỹ thuật được chỉ định kiểm tra phục vụ quản lý Nhà nước hoặc thương nhân giám định (đối với trường hợp tổ chức kỹ thuật được chỉ định kiểm tra có văn bản từ chối) và căn cứ kết luận giám định để làm cơ sở thực hiện. Nếu người khai hải quan không đồng ý với kết luận này thì thực hiện khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Thủ tục lấy mẫu, kỹ thuật lấy mẫu thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế

nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Bộ Tài chính.

a.3) Phối hợp với các lực lượng kiểm soát chống buôn lậu trong công tác xác minh, điều tra theo nghiệp vụ quy định.

a.4) Báo cáo Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Cục Hải quan tỉnh, thành phố) và Tổng cục Hải quan để kịp thời chỉ đạo giải quyết đối với những vụ việc phức tạp, hàng hóa có giá trị lớn, liên quan đến nhiều địa phương, cơ quan Nhà nước, tổ chức quốc tế.

b) Kết thúc thời hạn tạm giữ hoặc trong thời gian áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định, nếu đủ cơ sở kết luận hàng hóa bị nghi ngờ là hàng giả, cơ quan hải quan tiến hành xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp kết luận hàng hóa không phải là hàng giả, cơ quan hải quan làm tiếp thủ tục thông quan hàng hóa theo quy định. Việc giải quyết khiếu nại hoặc yêu cầu bồi thường thiệt hại do việc tạm giữ hàng hóa của cơ quan hải quan gây ra của chủ hàng được thực hiện theo quy định hiện hành về giải quyết khiếu nại và bồi thường thiệt hại.

Điều 14. Xử lý đối với hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

1. Chi cục Hải quan thông báo cho người nộp đơn yêu cầu kiểm tra, giám sát hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo mẫu số 06-SHTT ban hành kèm Thông tư này, kèm hình ảnh của hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (nếu có).

2. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, Chi cục Hải quan có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

a) Trường hợp nhận được đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan hoặc chưa đăng ký kiểm tra, giám sát về sở hữu trí tuệ tại cơ quan hải quan nhưng chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan bằng văn bản, nếu chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Hải quan:

a.1) Quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

a.2) Trường hợp có đủ cơ sở khẳng định hàng hóa theo thông báo là xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan xem xét quyết định áp dụng ngay các biện pháp hành chính để xử lý theo quy định tại Điều 214 và Điều 215 của Luật Sở hữu trí tuệ, đồng thời phối hợp với lực lượng kiểm soát các cấp để xác minh, thu thập thông tin về hàng hóa theo quy định.

b) Trường hợp chủ thể quyền sở hữu trí tuệ không có đơn hoặc không có văn bản đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan nhưng thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Hải quan hoặc có đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan nhưng không thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều

74 Luật Hải quan thì không thực hiện việc tạm dừng làm thủ tục hải quan cho lô hàng trừ trường hợp hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ.

3. Trường hợp không có thông tin yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhưng trong quá trình kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa, cơ quan hải quan phát hiện hàng hóa nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thì thực hiện việc kiểm tra thực tế hàng hóa, lấy mẫu hoặc chụp ảnh hàng hóa, đồng thời phối hợp với đơn vị chuyên trách kiểm soát về sở hữu trí tuệ tại Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố để quyết định thông quan hàng hóa hoặc tạm giữ hàng hóa nếu xác định dấu hiệu vi phạm.

Chương V

KIỂM SOÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG GIẢ, HÀNG HÓA XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 15. Trách nhiệm, thẩm quyền của lực lượng kiểm soát hải quan

1. Phạm vi trách nhiệm của lực lượng kiểm soát hải quan trong công tác chống hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thực hiện theo quy định tại Điều 88 Luật Hải quan và Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ kiểm soát hải quan đối với hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, lực lượng kiểm soát hải quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ để phát hiện, tiến hành điều tra, bắt giữ và xử lý hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và hàng giả theo quy định của pháp luật.

3. Khi thực hiện nhiệm vụ, lực lượng kiểm soát hải quan được quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, đơn vị hải quan các cấp cung cấp hồ sơ, tài liệu, phối hợp, tạo điều kiện để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 16. Triển khai nghiệp vụ kiểm soát

1. Lực lượng kiểm soát hải quan chủ động thu thập thông tin theo quy định của pháp luật để nắm tình hình và phát hiện các đối tượng, phương thức, thủ đoạn hoạt động vi phạm liên quan đến hàng giả và hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

2. Khi tiếp nhận hoặc phát hiện thông tin về hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, thì trực tiếp kiểm tra hoặc phối hợp với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan để kiểm tra. Đối chiếu với các quy định pháp luật liên quan và thực tế hàng hóa bị phát hiện để ra quyết định tạm giữ hàng hóa.

3. Tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ, kiểm tra, đối chiếu, đánh giá các thông tin được cung cấp liên quan đến hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với thực tế hàng hóa đang bị tạm giữ, tạm dừng để xác định hàng hóa vi phạm.

4. Trường hợp có căn cứ để xác định hàng hóa vi phạm, thì thực hiện hoặc phối hợp với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Trường hợp không có cơ sở để xác định hàng hóa vi phạm thì chuyển hồ sơ cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục hải quan tiếp tục làm thủ tục thông quan cho lô hàng theo quy định tại Thông tư này.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Trách nhiệm thực hiện

1. Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện cụ thể các quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan hải quan, người khai hải quan, người nộp đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, người tố cáo vi phạm và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2015 và thay thế Thông tư số 44/2011/TT-BTC ngày 11/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công tác chống hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan các văn bản hướng dẫn trước đây trái với quy định tại Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Nơi nhận:
- VP TW Đảng và các Ban của Đảng;
- VP Quốc Hội, VP Chủ tịch nước, VPCP;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng chống tham nhũng;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Website Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu VT; TCHQ.